

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 226/2025/DS-PT

Ngày: 10/11/2025

V/v: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Mỹ Duyên, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng G, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”. Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4896/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Phạm Hồng T, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ A, số nhà C, phường P, huyện S, thủ đô Viêng C, ư ớ c "Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Có mặt.

* **Bị đơn:** Bà Lê Thị T1, sinh năm 1940; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam (nay là phường D, tỉnh Ninh Bình). Có mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Phạm Tiến T2, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ D, số nhà A, phường P, huyện S, Thủ đô V, nước Cộng Hòa dân chủ nhân dân Lào. Có mặt.

2. Anh Phạm Quang H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam (nay là phường D, tỉnh Ninh Bình). Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Phạm Quang H là Luật sư Vũ Văn L - Công ty L1. Địa chỉ: Số E đường N, tổ dân phố A, phường D, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

3. Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà C, tổ B, phường P, huyện S Thả, thủ đô V, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2024, bản tự khai của nguyên đơn anh Phạm Hồng T trình bày:

Bố anh là ông Phạm Đình H2, chết ngày 15/02/2023, mẹ anh là bà Lê Thị T1, sinh năm 1940. Bố mẹ anh sinh được 04 người con gồm: Anh Phạm Hồng T, anh Phạm Tiến T2, anh Phạm Quang H và chị Phạm Thị H1. Bố mẹ anh không có con riêng, con nuôi nào khác. Bố, mẹ ông H2 đều đã chết trước ông H2.

Trong quá trình chung sống bố mẹ anh có tạo lập được một số tài sản, cụ thể như sau:

- Thừa đất số 100, tờ bản đồ số PL17, diện tích 512m² đất ở tại thôn T, xã C, huyện D (nay là phường C, thị xã D), tỉnh Hà Nam được UBND huyện D cấp GCNQSD đất ngày 10/8/2006 mang tên hộ ông Phạm Đình H2. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, mái bằng, diện tích khoảng 30m² và 02 cây mít, còn vài chục khóm chuối, do vợ chồng anh H trồng nhờ.

- Thừa đất số 99, tờ bản đồ số PL17, diện tích sử dụng riêng là 166m² đất nuôi trồng thủy sản tại thôn T, xã C, huyện D (nay là phường C, thị xã D), tỉnh Hà Nam được UBND huyện D cấp GCNQSD đất ngày 10/8/2006 mang tên hộ ông Phạm Đình H2. Anh đã đưa cho anh H số tiền 30.000.000 đồng để anh H thuê người, mua đất để san lấp thành đất vườn, trên đất hiện đang trồng chuối.

Năm 2023, bố anh là ông Phạm Đình H2 chết, không để lại di chúc, hiện nay mẹ anh là bà Lê Thị T1 đang quản lý số tài sản trên. Do gia đình anh không thống nhất được việc phân chia di sản của bố anh nên anh đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Phạm Đình H2 để lại trong hai thửa đất trên.

Tài sản và kỷ phần di sản thừa kế chia cho mẹ anh và em trai anh là Phạm Tiến T2 đã tự nguyện đồng ý cho anh cộng với kỷ phần di sản thừa kế của anh. Anh đề nghị chia cho anh bằng hiện vật. Anh xin chịu mọi chi phí, án phí thay cho mẹ anh và em trai anh là Phạm Tiến T2.

2. Bị đơn bà Lê Thị T1 trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và tài sản chung do bà và ông H2 tạo lập.

Năm 2023, ông Phạm Đình H2 chết không để lại di chúc. Bà cùng các con trong gia đình đã họp bàn bạc để phân chia di sản do chồng bà để lại nhưng không thống nhất được việc phân chia.

Nay bà đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của chồng bà để lại. Tài sản của bà trong khối tài sản chung vợ chồng và kỷ phần thừa kế được chia, bà tự nguyện tặng cho con trai là anh Phạm Hồng T, anh T phải chịu mọi chi phí, án phí thay cho bà.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Phạm Tiến T2 trình bày:

Anh thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và tài sản chung do bố, mẹ tạo lập.

Năm 2023, bố anh chết không để lại di chúc. Mẹ anh cùng các anh chị em trong gia đình đã họp bàn bạc để phân chia di sản của bố anh để lại nhưng không thống nhất được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của bố anh để lại theo quy định của pháp luật.

Anh xin nhận bằng hiện vật và tự nguyện tặng cho anh trai là Phạm Hồng T; anh T phải chịu mọi chi phí, án phí thay cho anh.

3.2. Anh Phạm Quang H trình bày:

Anh thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và tài sản chung do bố, mẹ tạo lập.

Anh Phạm Hồng T đi lao động tại nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào từ năm 1990 cho đến nay. Từ khi anh T đi lao động tại nước Lào, anh T không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc bố mẹ. Đến nay sau khi bố anh chết, anh T về yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản của bố anh khi chưa có sự bàn bạc thống nhất của mẹ anh và các anh chị em trong gia đình nên anh không nhất trí. Khi bố anh còn sống đã giao cho anh quản lý, sử dụng các tài sản mà anh T đang yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế. Quá trình quản lý tài sản, anh đã đầu tư nhiều công sức để vượt lập, cải tạo đất, thuê người san lấp thửa đất ao thành đất vườn với số tiền 30.000.000 đồng. Vì vậy, khi giải quyết yêu cầu chia thừa kế của bố anh, đề nghị Tòa án xem xét đến công sức của anh trong việc quản lý di sản, công sức đầu tư cải tạo di sản.

Ngoài ra, khi bố anh còn sống anh đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng bố cho đến khi ông chết và là người trực tiếp lo việc ma chay theo phong tục địa phương. Hiện nay anh cũng đang là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng mẹ anh là bà Lê Thị T1 tại tổ dân phố Đ, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án xem xét đến công sức nuôi dưỡng, chăm sóc bố mẹ và chi phí lo ma chay mồ mả khi bố anh chết.

3.3. Chị Phạm Thị H1 trình bày:

Chị thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và tài sản chung do bố, mẹ chị tạo lập. Nguyên vọng của chị về di sản thừa kế của ông H2 để lại là muốn được giữ lại diện tích đất hương hỏa của tổ tiên để làm nơi nghỉ ngơi khi chị về nước và có chỗ để thờ cúng tổ tiên. Trong khi đó anh Phạm Hồng T muốn được chia mảnh đất đó ra. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho thấu tình đạt lý, để cho chị và các con chị sau này còn có nơi ăn chốn ở và thờ cúng bố mẹ, tổ tiên của dòng họ P.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như sau:

- Thửa đất số 100, tờ bản đồ PL17, diện tích **512 m²** (đất ở) x 5.000.000đ/m² = **2.560.000.000 đồng.**

- Thửa đất số 99, tờ bản đồ PL17, diện tích **166 m²** (đất ao) x 300.000đ/m² = **49.800.000 đồng.**

- Về công trình, vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên thửa đất số 100:

+ 01 nhà 01 tầng mái bằng: 3,6m x 7,3m (cao 3,02m).

Có giá trị là: (3,6 x 7,3) x 3.436.000đ x 0,6 = 54.179.000 đồng.

+ Tường xây gạch: 13m + 9,2m (cao 0,8m).

Có giá trị là: (13 + 9,2) [(0,11 x 0,8) + (0,5 x 0,5)] x 1.549.000đ x 0,6 = 6.974.000 đồng.

+ 04 bức tường xây gạch khác có giá trị: 2.095.000 đồng + 2.011.000 đồng + 1.420.000 đồng + 1.078.000 đồng = 6.604.000 đồng.

+ Giá trị cây trồng: 02 cây mít = 1.188.000đ; cây dong = 35.000đ; 67 cây chuối = 2.747.000đ.

Tổng giá trị tài sản trên thửa đất số 100 là: **71.727.000 đồng**.

Về đất san lấp thửa đất số 99: Giá trị: $1,2\text{m} \times 166\text{m}^3 \times 130.900\text{đ}/\text{m}^3 = 31.290.000$ đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 05/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình) đã quyết định: Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 147, các Điều 266, 267, 271, 273, 469, 470, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 207, 210, 213, 219, 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Điều 33, 38, 39 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Hồng T về việc chia di sản thừa kế của ông Phạm Đình H2.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T1 tặng cho toàn bộ giá trị tài sản mà bà được chia gồm $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của vợ chồng và 01 kỷ phần thừa kế bà được hưởng của ông H2 và sự tự nguyện của anh Phạm Tiến T2 tặng cho toàn bộ giá trị kỷ phần thừa kế mà anh được hưởng của ông H2 cho anh Phạm Hồng T.

Về di sản thừa kế: Xác nhận di sản của ông Phạm Đình H2 để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích tại thửa đất số 100 và 99, tờ bản đồ PL17 mang tên hộ ông Phạm Đình H2 ở thôn T, xã C, huyện D (nay là tổ dân phố T, phường C, thị xã D), tỉnh Hà Nam, có tổng giá trị là 1.304.900.000 đồng.

Về hàng thừa kế và kỷ phần thừa kế: Hàng thừa kế theo pháp luật của ông H2 gồm: Bà Lê Thị T1, anh Phạm Hồng T, anh Phạm Tiến T2, anh Phạm Quang H và chị Phạm Thị H1.

Chia hiện vật là quyền sử dụng đất:

Giao anh Phạm Quang H được quản lý, sử dụng diện tích 64m^2 đất ở (có giá trị = 320 triệu đồng) có phía Bắc giáp thửa đất số 87 dài $(3,78 + 8,07)\text{m}$, phía Nam giáp phần đất chia cho chị H1 dài 11,99m, phía Tây giáp đường dài 5,12m, phía Đông giáp thửa đất số 101 dài 5,65m.

Giao chị Phạm Thị H1 được quản lý, sử dụng diện tích 64m^2 đất ở (có giá trị = 320 triệu đồng) có phía Bắc giáp phần đất chia cho anh H dài 11,99m, phía Nam giáp phần đất chia cho anh T dài 12,15m, phía Tây giáp đường dài 5,11m, phía Đông giáp thửa đất số 101 dài $(1,95 + 3,53)\text{m}$.

Giao anh Phạm Hồng T được quản lý, sử dụng diện tích 384m^2 đất ở (có giá trị = 1.920.000.000 đồng) có phía Bắc giáp phần đất chia cho chị H1 dài 12,15m, phía Nam giáp đường dài 13,18m, phía Tây giáp đường dài 29,75m, phía Đông giáp thửa đất số 101 dài 31,01m và 166m^2 đất NTS tại thửa đất số 99 tờ bản đồ PL17 (có giá trị = 49.800.000 đồng). Tổng giá trị tài sản anh T được hưởng là 1.969.800.000 đồng).

(Có sơ đồ, vị trí chia đất kèm theo).

Anh H và chị H1 có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho anh T mỗi người là: 59.020.000 đồng.

Anh T2 có trách nhiệm thanh toán cho anh H công vượt lập số tiền 30.000.000 đồng.

Không ai được cản trở quyền sử dụng đất của nhau trên diện tích đã được phân chia theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/6/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Quang H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là anh Phạm Quang H giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị được chia phần đất ao tại thửa số 99 Tờ bản đồ PL17. Trong trường hợp không được chia đất ao thì ông xin mua lại diện tích đất ao này của bà T1 và anh T. Anh H cũng trình bày Thửa đất ở 512m² khi còn sống ông H2 đã cho anh nhưng không xuất trình được giấy tờ chứng minh.

Nguyên đơn ông Phạm Hồng T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm và trình bày bổ sung: Thửa đất số 100 diện tích 512m² đất ở đúng là của bố mẹ anh là ông H2, bà T1 tạo lập. Tuy nhiên, khi còn sống ông H2 đã bán cho người khác, sau đó ông phải bỏ tiền ra chuộc lại cho bố mẹ ông. Ông cũng không có ý kiến gì về việc xác định thửa đất trên vẫn là tài sản của bố mẹ ông và đồng ý với việc xác định ½ thửa đất là di sản của ông H2. Ông T không đồng ý nhượng lại phần đất ao cho anh H.

Bị đơn bà Lê Thị T1 giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, bà đồng ý với cách giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm và không đồng ý cho thêm anh H đất. Bà tặng cho anh T toàn bộ phần tài sản của bà trong khối tài sản chung của bà với ông H2 và kỷ phần thừa kế nhận từ di sản ông H2.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tiến T2 giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Anh T2 rất muốn anh em, mẹ con trong gia đình anh được hòa thuận. Anh đồng ý thanh toán 30 triệu đồng tiền san lấp ao cho anh H và tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế của mình cho anh T. Anh đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Ngoài ra, các đương sự còn thống nhất trình bày: Ngôi nhà trên đất là của ông H2, bà T1. Anh H đang sinh sống tại thửa đất khác do ông H2, bà T1 cho anh H trước đó, khoảng 900m², không sinh sống trên thửa đất đang tranh chấp nhưng anh H có trồng một số cây trên đất.

Quan điểm của Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của anh Phạm Quang H, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên trình bày ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 18/6/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Quang H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số

05/2025/DS-ST ngày 05/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam là đúng thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Ông Phạm Đình H2 chết ngày 15/02/2023. Ngày 03/7/2024, anh Phạm Hồng T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông H2 là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hàng thừa kế*: Các đương sự đều thống nhất xác định ông Phạm Đình H2 và bà Lê Thị T1 sinh được 04 người con là anh Phạm Hồng T, Phạm Tiến T2, Phạm Quang H và chị Phạm Thị H1. Ông H2 chết năm 2023 không để lại di chúc, cha mẹ ông H2 đã chết trước ông H2. Do vậy, căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự, hàng thừa kế thứ nhất của ông H2 gồm 05 người: Bà Lê Thị T1 và 04 người con của ông H2 với bà T1 là anh T, anh T2, anh H, chị H1.

[4] *Về di sản thừa kế*: Các bên đương sự thống nhất xác định nhà và đất thuộc thửa đất số 100 tờ bản đồ số PL17, diện tích 512m² đất ở và 166m² đất ao thuộc thửa đất số 99 tại thôn T, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam (nay là: thôn T, phường D, tỉnh Ninh Bình) là tài sản của vợ chồng bà T1 và ông H2 tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ quy định tại Điều 213, Điều 219 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 33, Điều 38, Điều 39 Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng ông H2 và bà T1 nên mỗi bên được quyền sở hữu 50% giá trị tài sản chung. Do đó, di sản của ông H2 là: $(512\text{m}^2 \text{ đất ở} : 2) + (166\text{m}^2 \text{ đất ao} : 2) = 256\text{m}^2 \text{ đất ở} = (2.560.000.000 \text{ đồng} : 2 = 1.280.000.000 \text{ đồng})$ và $83\text{m}^2 \text{ đất ao} (= 49.800.000 \text{ đồng} : 2 = 24.900.000 \text{ đồng}) = 1.304.900.000 \text{ đồng}$.

[5] Xét ý kiến của anh Phạm Quang H cho rằng khi ông H2 còn sống đã giao toàn bộ hai thửa đất trên cho anh quản lý, sử dụng, nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, bà T1, anh T, anh T2, chị H1 đều khai thống nhất tài sản của ông H2 để lại trong khối tài sản chung với bà T1 chưa chia cho ai. Vì vậy, ý kiến của anh H cho rằng được ông H2 giao toàn bộ tài sản cho anh quản lý, sử dụng là không có cơ sở chấp nhận.

[6] *Về ý kiến của anh Phạm Quang H cho rằng quá trình quản lý tài sản của bố anh, anh đã đầu tư nhiều công sức để vượt lập, cải tạo đất, đề nghị xem xét công sức quản lý di sản, đầu tư cải tạo đất*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định trên thửa đất số 100, ngoài các tài sản do ông H2, bà T1 tạo lập gồm ngôi nhà, tường rào, cây mít ra còn có một số bụi chuối do anh H trồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H thừa nhận và bà T1, anh T, anh T2 đều trình bày anh H không sinh sống và không có xây dựng công trình nào trên đất tranh chấp, chỉ có trồng một số bụi chuối, hiện anh H đang sinh sống tại thửa đất 900m² do ông H2 bà T1 mua trước đó cho anh H. Xét thấy ông H2 mới chết năm 2023, nên việc anh H đề nghị Tòa xem xét công sức quản lý, tôn tạo đối với thửa đất số 100 là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với thửa đất số 99, diện tích 166m² đất ao, anh T khai anh là người đưa tiền cho anh H để trả tiền cho người san lấp hết 30.000.000 đồng bao gồm cả phần đất ao của gia đình ông K. Anh H cho rằng anh là người trực tiếp thuê người san lấp và trả tiền hết 30.000.000 đồng, trường hợp phải chia di sản thừa kế thì anh yêu cầu phải thanh toán trả cho anh số tiền công sức vượt lập 30.000.000 đồng. Ngoài lời khai của anh T, anh H hai bên không xuất trình được tài liệu nào chứng minh cho yêu cầu của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T2 xác định anh T

là người đưa tiền cho anh H thuê người san lấp, nhưng các bên không thống nhất được nên anh T2 đã tự nguyện nhất trí thanh toán tiền công vượt lập cho anh H. Xét thấy việc tự nguyện của anh T2 là phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận và có căn cứ chấp nhận anh H là người có công sức vượt lập đối với thửa đất ao này; buộc anh T2 có trách nhiệm thanh toán cho anh H công vượt lập số tiền 30.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[8] *Về công chăm sóc nuôi dưỡng, ma chay cho ông H2*: Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bà T1, anh T, anh T2, chị H1 đều không đề nghị Tòa án xem xét. Anh H cho rằng khi ông H2 còn sống anh là người chăm sóc nuôi dưỡng ông H2 cho đến khi ông chết và trực tiếp lo ma chay, mồ mả cho bố anh, đề nghị xem xét công sức cho anh. Về nội dung này tại phiên Tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà T1, anh T, anh T2 đều cho rằng bố anh hay ốm vật ở nhà vợ chồng anh H có chăm sóc, nhưng anh T và anh T2 ở xa có đưa tiền cho vợ chồng anh H; đến khi bố ốm nặng không qua khỏi chỉ khoảng 01 tháng thì ông chết, khi đó vợ chồng anh T về nước chăm sóc ông, các anh em đều có công chăm sóc bố, khi bố chết, mẹ và các anh chị em lo ma chay cho ông H2, tiền không ai phải bỏ ra, tiền phúng viếng vẫn còn thừa anh H cầm, bố mới chết chưa phải bốc mộ xây mộ. Mặt khác, xét thấy việc chăm sóc, phụng dưỡng, ma chay cho bố mẹ là bổn phận báo hiếu của các con. Do đó, ý kiến này của anh H không có cơ sở để chấp nhận.

[9] *Về phân chia di sản thừa kế*: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự đều nhất trí đối với giá trị di sản là ngôi nhà, tường bao xung quanh, 02 cây mít đề nghị không giải quyết, chia vào phần của ai thì người đó được hưởng, đối với các bụi chuối, cây lá rong do anh H trồng, anh H cũng không yêu cầu nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

[10] Căn cứ kết quả định giá của Hội đồng định giá, giá trị di sản của ông H2 là: 256m^2 đất ở $\times 5.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.280.000.000$ đồng và 83m^2 đất ao $\times 300.000\text{đ}/\text{m}^2 = 24.900.000$ đồng. Tổng giá trị di sản của ông H2 là 1.304.900.000 đồng.

[11] Hàng thừa kế thứ nhất của ông H2 có 05 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng là: Về giá trị bằng tiền 1.304.900.000đ: $5 = 260.980.000$ đồng. Về giá trị bằng hiện vật là đất: 256m^2 đất ở : $5 = 51,2\text{m}^2$ và 83m^2 đất ao: $5 = 16,6\text{m}^2$.

[12] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có nguyện vọng muốn được hưởng thừa kế bằng hiện vật là đất. Căn cứ kết quả đo hiện trạng, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét thấy:

[13] Đối với diện tích 166m^2 đất ao thuộc thửa số 99: Bà T1, ông H2 mỗi người có $\frac{1}{2}$ diện tích ($83\text{m}^2 = 24.900.000$ đồng). Mỗi thừa kế được hưởng $16,6\text{m}^2$ đất ao tương đương 4.980.000 đồng. Do đây là đất nông nghiệp, căn cứ quy định của UBND tỉnh H về điều kiện tách thửa đối với thửa đất này và căn cứ vào diện tích đất các thừa kế được chia thì giao hết cho bà T1 được quyền quản lý sử dụng đất ao và bù đắp cho các thừa kế khác bằng diện tích đất ở với giá trị tương đương kỷ phần đất ao được hưởng là phù hợp.

[14] Đối với 256m^2 đất ở tại thửa đất số 100 chia cho 05 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng: $51,2\text{m}^2$ tương đương ($51,2\text{m}^2 \times 5.000.000$ đồng/m) = 256.000.000 đồng

[15] Như vậy, bà Lê Thị T1 và 04 người con của ông H2 với bà T1 là anh T, anh T2, anh H, chị H1, mỗi kỹ phần được hưởng thừa kế từ ông H2 là: 51,2m² đất ở có giá trị 256.000.000 đồng và 4.980.000 đồng giá trị đất ao = 260.980.000 đồng.

[16] Tòa án cấp sơ thẩm đã không chia đất ao cho anh H, chị H1 và chia cho anh H và chị H1 mỗi người được nhận toàn bộ giá trị kỹ phần bằng đất ở là 64m² tại thửa đất số 100, có giá trị bằng tiền 64m² x 5.000.000đ/m² = 320.000.000 đồng (nhiều hơn giá trị kỹ phần mà anh H, chị H1 được hưởng khi chia bằng hiện vật). Sau đó, buộc anh H và chị H1 có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho anh T mỗi người là: 320.000.000 đồng - 260.980.000 đồng = 59.020.000 đồng, là phù hợp.

[17] Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà T1 tự nguyện tặng cho toàn bộ giá trị tài sản của bà được hưởng gồm ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng và kỹ phần thừa kế của bà được hưởng của ông H2; anh T2 tự nguyện tặng cho anh T kỹ phần thừa kế mình được hưởng của bố anh là ông H2. Xét thấy sự tự nguyện của bà T1, anh T2 là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện nhượng tài sản của bà T1, anh T2 cho anh T là đúng quy định.

[18] *Về thanh toán chênh lệch giá trị tài sản:* như đã phân tích ở trên bà T1 đã tự nguyện tặng cho anh T toàn bộ giá trị tài sản mà bà được chia gồm ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng và 01 kỹ phần thừa kế, anh T2 tự nguyện cho anh T giá trị kỹ phần mình được hưởng và tại phiên tòa bà T1 tự nguyện không yêu cầu anh T, anh T2 phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho bà, xét thấy việc bà T1 tự nguyện không yêu cầu anh T, anh T2 phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản phù hợp quy định nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của bà T1, anh T là đúng quy định pháp luật.

[19]. *Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:* Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc hiện trạng thửa đất hết số tiền 6.647.000 đồng. Số tiền này anh T đã nộp và quyết toán xong. Anh T có quan điểm sẽ chịu toàn bộ chi phí, không đề nghị các đương sự khác phải thanh toán cho anh. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[20] *Về yêu cầu của anh Phạm Quang H đề nghị được mua lại diện tích đất ao từ bà T1 và anh T:* Như trên đã phân tích, anh H đã được Tòa án cấp sơ thẩm chia đủ giá trị kỹ phần thừa kế bằng toàn bộ là đất ở tại T (giá trị kỹ phần thừa kế đất ao được quy ra đất ở). Đối với Thửa đất ao số 99, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho anh T được quyền sử dụng là đúng quy định pháp luật. Việc anh T có đồng ý chuyển nhượng lại cho anh H Thửa đất ao này hay không là quyền của anh T. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T không đồng ý chuyển nhượng theo đề nghị của anh H. Do đó, Tòa án không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của anh H.

[21] *Về án phí:* Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Phạm Quang H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; căn

cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án định:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Quang H.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 05/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình).
3. Về án phí: Anh Phạm Quang H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0001773 ngày 30/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình)

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quỳnh

